

Bản án số: 121/2024/DS-PT

Ngày: 26/02/2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy

Ông Trương Chí Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 571/2023/TLPT-DS ngày 24/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 685/2023/QĐ-PT ngày 02/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐ-PT ngày 24/01/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.** Địa chỉ trụ sở: Lầu H, 2 N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (công ty S1). Đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Lê Ngọc T – Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Đại L-nhân viên; Địa chỉ: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S chi nhánh H-Tầng 2, số B Bà T, phường L, quận H, Hà Nội

- **Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M,** sinh năm 1974. Địa chỉ: Số B, phố H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

****Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:***

Ngày 16/01/2020, Bà Nguyễn Thị M có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 21/11/2019 – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ Visa Credit Platinum Cashback số thẻ 436438 - 2942 với hạn mức sử dụng là **30,000,000** đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là **28,999,315** đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền **1,500,000** đồng (*Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau*).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*), ngày 06/09/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (*Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*).

Tính đến ngày 11/08/2023, bà M còn nợ ngân hàng tổng số tiền **78.544.790** đồng, cụ thể các khoản sau:

+ Nợ gốc: **34,389,100** đồng;

+ Lãi quá hạn: **44,155,690** đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà M có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà M vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

*** Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:**

1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/08/2023 là **78,544,790** đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi đồng)
2. Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 11/08/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.
3. Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

****Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đến Tòa, không giao nộp văn bản ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan vụ việc.***

***Tại phiên tòa sơ thẩm:** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về số liệu các khoản nợ tính đến hết ngày 29/8/2023 đề nghị HĐXX giải quyết buộc bà M trả nợ ngân hàng tổng số tiền **79,287,596** đồng, trong đó:

- + Nợ gốc: 34,389,100 đồng;
- + Lãi quá hạn: 44,898,496 đồng

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn - bà Nguyễn Thị M:

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/8/2023 là **71.005.430 đồng** (Bảy mươi một triệu, không trăm linh năm nghìn, bốn trăm ba mươi đồng), trong đó:

- + Nợ gốc: 28.999.315 đồng;
- + Lãi trong hạn: 3.913.747 đồng.
- + Lãi quá hạn: 36.973.680 đồng
- + Phí chậm trả và phí VHM: 1.118.688 đồng

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/01/2020” và “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S2 có hiệu lực từ 29/11/2019”.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn - bà Nguyễn Thị M về việc buộc bà M phải trả số tiền **8.282.166 đồng** (Tám triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng)

2. Án phí:

2.1. Ngân hàng TMCP S phải chịu **414.000 đồng** (Bốn trăm mười bốn nghìn đồng) được trừ vào 1.700.000 đồng (Một triệu, bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Biên lai tạm ứng án phí số AA/2020/0052355 ngày 30/5/2023.

2.2. Ngân hàng TMCP S được trả lại **1.286.000 đồng** (Một triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

2.3. Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **3.550.000 đồng** (Ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

*Về thủ tục: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận về hình thức.

*Xét kháng cáo của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền xét xử: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng giữa pháp nhân và một cá nhân, mục đích vay vốn của bị đơn nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Theo tài liệu do ngân hàng G, tại thời điểm ký kết hợp đồng thẻ tín dụng, Bị đơn cư trú tại số B phố H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội, đến thời điểm thụ lý không có tài liệu nào khác về địa chỉ cư trú của bị đơn. Căn cứ vào Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” là đúng thẩm quyền.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Đây là phiên tòa mở lần thứ hai bị đơn vắng mặt nên hội đồng xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 22/6/2023, Công an phường H cung cấp thông tin bà Nguyễn Thị M có đăng ký thường trú tại số B phố H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội nhưng không sinh sống thường xuyên tại địa phương. Ngân hàng trình bày không liên lạc được với bị đơn kể từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bị đơn có nghĩa vụ phải thông báo địa chỉ nơi cư trú với nguyên đơn nhưng đã cố tình không thông báo. Như vậy, Tòa án xác định địa chỉ đăng ký HKTT là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa, không giao nộp văn bản ý kiến, tài liệu chứng cứ, bị đơn đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn được quy định theo Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn

[2.1]. Giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cá nhân loại hình thẻ tín dụng Visa Credit Platinum Cashback số thẻ 436438 - 2942 được ký kết giữa S2 có hình thức bằng văn bản có tiêu đề “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/01/2020” và được ngân hàng phê duyệt 21/01/2020. Các chủ thẻ ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, giao dịch dân sự cung cấp tín dụng

theo hình thức thẻ tín dụng đã ký kết là hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Nội dung thỏa thuận giao dịch dân sự thẻ tín dụng giữa hai bên cụ thể, chi tiết tại “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S2 có hiệu lực từ 29/11/2019”.

[2.2.1]. Theo đó, về việc tính lãi trong hạn được quy định tại Điều 23: *Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản. Lãi suất được tính như sau: Đối với giao dịch mua hàng hóa, phí, lệ phí và tất cả những khoản nợ khác trên tài khoản (ngoại trừ giao dịch rút tiền mặt). Nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ đúng hạn vào hoặc trước ngày đến hạn, chủ thẻ phải thanh toán lãi suất cho đơn vị phát hành thẻ đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ.*

Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút.

Việc thanh toán đối với các khoản dư nợ trên tài khoản được thực hiện theo thứ tự được quy định tại Khoản Mục 20.

S2 có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ.

[2.2.2]. S2 quy định tại điểm b khoản 24.4 Điều 24: *áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của S2. Sau 75 ngày kể từ ngày lập TBGD hoặc sau 03 (ba) kỳ TBGD liên tiếp, nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn Số tiền tối thiểu, S2 sẽ chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ.*

[2.3]. Về việc thực hiện giao dịch tín dụng: Tài liệu “Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019” cho thấy lãi suất trong giao dịch thẻ áp dụng quốc tế với khách hàng cá nhân là 28,8%.

Tài liệu “Tóm tắt Sao kê” chi tiết giao dịch khách hàng đề ngày 25/11/2022 do S2 giao nộp cho thấy:

- Bị đơn sử dụng thẻ và được giải ngân 28.999.315 đồng và kết thúc chi tiêu cũng như thanh toán vào ngày 05/9/2020. Tổng số tiền bị đơn đã chi tiêu là: 28.999.315 đồng. Bị đơn đã trả một lần duy nhất vào ngày 05/6/2020 với số tiền là 1.500.000 đồng. Theo bản tóm tắt sao kê, tính đến ngày 05/6/2020, số tiền lãi, phí trễ hạn, phí của bà M đã vượt quá 1.500.000 đồng nên theo thỏa thuận trong hợp đồng thẻ tín dụng: Số tiền 1.500.000 đồng sẽ được trừ vào lãi, phí trễ hạn, phí.

- Ngày 06/9/2020: khoản nợ của bị đơn chuyển sang nợ quá hạn, S2 đã khóa thẻ tín dụng.

Bị đơn đã không thanh toán số tiền còn nợ cho ngân hàng từ ngày 06/6/2020 đến nay như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền.

Do vậy, căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, căn cứ vào các bản sao kê chi tiết giao dịch của bà Nguyễn Thị M do Ngân hàng cung cấp,

Tòa án cấp phúc thẩm xác định số nợ gốc bà M còn nợ và phải trả cho ngân hàng TMCP S là: 28.999.315 đồng.

Về việc thực hiện giao dịch tín dụng: Tài liệu “Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019” cho thấy lãi suất trong giao dịch thẻ áp dụng quốc tế với khách hàng cá nhân là 28,8%. Bản án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 28,5% là chưa chính xác. Do vậy, số tiền lãi được tính lại như sau:

- Số ngày chịu lãi trong hạn từ 11/3/2020 đến 05/9/2020 là: 178 ngày
- Lãi trong hạn một ngày: $28.999.315 \text{ đồng} \times (28,8\% : 12) : 30 = 23.199 \text{ đồng}$.
- Lãi trong hạn: 179 ngày $\times 23.199 \text{ đồng} = \mathbf{4.129.422 \text{ đồng}}$
- Số ngày chịu lãi quá hạn từ 06/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/8/2023 là: 1087 ngày.
- Lãi quá hạn một ngày: $23.199 \text{ đồng} \times 150\% = 34.798,5 \text{ đồng}$
- Số tiền lãi quá hạn: 1087 ngày $\times 34.798,5 \text{ đồng} = \mathbf{37.825.970 \text{ đồng}}$

- Riêng phí VHM 273.087 đồng ngân hàng đưa ra là không được chấp nhận vì số tiền bị đơn chi tiêu chưa vượt hạn mức.

*** Tổng số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí trễ hạn, phí bà M phải trả ngân hàng là:**

(4.129.422 đồng + 37.825.970 đồng + 1.160.580 đồng + 999.000 đồng) – 1.500.000 đồng = 42.614.972 đồng

Tổng số tiền bà M phải trả ngân hàng là:

28.999.315 đồng + 42.614.972 đồng = 71.614.287 đồng

* Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm và buộc bà M phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, phí, lãi quá hạn: **71.614.287 đồng**

Số tiền ngân hàng không được chấp nhận yêu cầu là:

$79,287,596 \text{ đồng} - 71.614.287 \text{ đồng} = 7.673.309 \text{ đồng}$

[3]. Về án phí: Về án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $71.614.287 \text{ đồng} \times 5\% = 3.580.714 \text{ đồng}$

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á phải chịu án phí đối với yêu cầu về lãi không được chấp nhận: $7.673.309 \text{ đồng} \times 5\% = 383.665 \text{ đồng}$

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn sau khi trừ đi số tiền án phí nguyên đơn phải chịu.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội về cơ bản là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Thông tư 12 ngày 14.4.2010 của Ngân hàng N hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong Hợp đồng tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP S. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc đòi bà Nguyễn Thị M trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/01/2020 (được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phê duyệt ngày 21/01/2020).

2. Buộc bà Nguyễn Thị M trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/8/2023 số tiền là:

- **Nợ gốc: 28.999.315 đồng** (hai mươi tám triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng).

- **Nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phí: 42.614.972 đồng** (bốn mươi hai triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng).

Tổng cộng: 71.614.287 đồng (bảy mươi một triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, hai trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.580.714 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 383.665 đồng, được trừ vào số tiền 1.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0052355 ngày 30/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại 1.316.335 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số AA/2020/0052559 ngày 30/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Tuấn Anh